

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Châu;
2. Ông Nguyễn Tấn Rõn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Long S - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-11-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Long S cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQĐ ngày 04-01-2012; Chung sống đến tháng 12-2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông S thường đi nhậu, đánh bài, không lo cuộc sống gia đình và còn bạo hành với bà. Bà và ông S còn sống chung nhà nhưng không khí nặng nề, buồn chán.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Long S;

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06-01-2009 và Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 10-11-2014, hiện sống chung với bà và ông S. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 13-7-2021 bị đơn ông Nguyễn Long S trình bày:

Ông S thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết L về ngày tháng, điều kiện kết hôn, con chung, việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Thời gian mâu thuẫn từ tháng 10-2020; Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, bà L muốn cất nhà ở ngay nhưng ông S bảo từ từ cất dẫn đến cãi vã nhau. Ông và bà L đã ly thân từ tháng 10-2020 đến nay.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, ông đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Nguyễn Long S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

- Ngày 22-02-2021, bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 13-7-2021, ông Nguyễn Long S có đơn xin xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết L khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Long S; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Nguyễn Long S có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Nguyễn Long S chung sống có đăng ký kết hôn ngày 04-01-2012 tại Ủy ban nhân dân xã MQĐ, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đồng thời xét yêu cầu ly hôn của bà L và yêu cầu đoàn tụ của ông S: Bà L cho rằng mâu thuẫn từ tháng 12-2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông S thường đi nhậu, đánh bài, không lo cuộc sống gia đình và bạo hành với bà, bà và ông S còn sống chung nhà nhưng không khí nặng nề, buồn chán. Ông S cho rằng mâu thuẫn từ tháng 10-2020; Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, bà L muốn cất nhà ở ngay nhưng ông S bảo từ từ cất dần dần cãi vã nhau. Ông và bà L đã ly thân từ tháng 10-2020 đến nay. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, đến khi được Tòa án thụ lý vụ án và đến nay, ông S không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, bà L và ông S vẫn còn mâu thuẫn, mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà L và ông S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ngược lại, yêu cầu đoàn tụ của ông S là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét về nuôi con chung:

[5.1] Bà L và ông S trình bày thống nhất: Nếu ly hôn, bà L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06-01-2009 và Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 10-11-2014, hiện sống chung với bà L và ông S. Sự trình bày thống nhất của các đương sự về người trực tiếp nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo nguyện vọng con chung (Tường V) và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.2] Hiện con chung đang sống chung với bà L và ông S, nên ông S có nghĩa vụ giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[5.3] Bà L không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.4] Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông S được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Bà L và ông S trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Bà L và ông S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về ly

hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn ông Nguyễn Long S.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự thống nhất của đương sự: Bà Nguyễn Thị Tuyết L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 06-01-2009 và Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 10-11-2014, đang sống chung với bà L và ông Nguyễn Long S. Ông S có nghĩa vụ giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Nguyễn Long S không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung;

2.3. Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông S được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008899 ngày 01-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà L đã nộp đủ án phí.

6. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQĐ (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương